



Lời người viết: Tình lính bao giờ cũng thơ, cũng đẹp, cũng mơ, nhưng tình lính ít dẫn tới tình vợ chồng, người con gái luôn dẫn đo khi tiến tới hôn nhân. Họ sợ sự chờ đợi, mòn mỏi mỗi ngày, tình yêu mộng mơ trở thành nỗi khắc khoải, đợi chờ. Tình lính bỗng dưng chỉ là một cành hoa, cắm trong bàn học, hoa tàn, tình cũng chẳng tới đâu.

Danh liếc nhìn chồng thư, lật qua thật mau, một thư của nhà, thư khác của thằng bạn học cùng quê, nhưng có một thư thật lạ, càng lạ hơn, thư gửi từ Sài Gòn. Đọc tên người gửi, chẳng biết ai, nghĩ bụng, chắc sinh viên trực bỏ lộn thư, nhưng cũng không phải, thư đề tên Võ... Danh, trung đội 8, đại đội C, góc trái phong bì, còn một dòng chữ bằng bút chì thật lớn của trung đội trưởng, khóa đàn anh, “20 hít đất” nhận thư bị phạt là chuyện xảy ra hằng ngày của sinh viên sĩ quan Dalat. Danh nôn nóng nhưng cũng đợi để ăn cơm xong, mới mở thư. Vừa về tới phòng, trước khi mở thư, Danh cầm thư ra hành lang, để thư trên đầu, nhẩy hai mươi hít đất, khỏe re, vào phòng, bóc lá thư lạ, người gởi “Nguyễn thị Thúy Diễm”, Danh chắc lưỡi, tên đẹp thật, nhưng chẳng biết Diễm là ai, Danh không quen ai ở Sài Gòn, và cũng chẳng có ai tên Diễm bao giờ. Nhìn nét chữ nắn nót, tự giới thiệu “Anh Danh, em được người bạn giới thiệu, bạn em nói, gặp anh trong lần đi Dalat nghỉ lễ, nó hỏi anh, anh muốn



bạn Sai Gòn không ?, anh ra điều kiện, em phải viết thư trước, anh sẽ viết trả lời sau, con bạn còn đe dọa, mà phải viết nhanh gửi đi liền, không cũng bị thua nữa đó, mà viết ngay đi, không lại lỡ chuyến tàu. Em buồn cười, trời, sinh viên Võ Bị có giá thế ư. Em đắn đo mãi, viết mấy dòng, rồi lại xé, tự hỏi mình, ai lại viết thư cho người mình chưa gặp mặt bao

giờ, nghĩ đi, nghĩ lại, cuối cùng cứ viết. Hơn nữa sự tò mò thôi thúc em viết và vội vàng gửi thư ngay, sợ mình đổi ý, lại xé lá thư này, hy vọng anh đọc, trả lời thư ngay, để mình tiếp tục viết cho nhau.

Danh đọc tiếp, Diễm tự giới thiệu, em học đệ tam trường Nguyễn Bá Tông, nhà ở Nguyễn Thiện Thuật, khu bàn cờ, anh có dịp nào đi ngang khu này chưa. Còn Dalat của anh thì đẹp lắm phải không? Danh cười thầm, Dalat của anh, anh mù tịt, từ ngày chiếc xe GMC thả tại cổng trường đến hôm nay, đi phố được vài lần, còn lại , cắm quân, cắm trại, trồng cỏ quanh trường, có một chỗ hơi rành là câu lạc bộ ngoài cổng chính thôi. Sinh Viên thường gọi trường là dòng tu, mà giống thật, quanh trường, chỉ đồi và núi, không thấy một bóng người dân. Diễm viết tiếp, em chưa lên Dalat lần nào, nhưng nếu có cơ hội. Em nói trước, gái Sài Gòn, má không đỏ, môi không hồng đâu đấy, kéo sau này, anh thất vọng sau này khi thấy hình em. Tái bút (Em chỉ viết thư cho anh nếu anh trả lời lá thư này). Đọc xong thư, Danh lật đật xếp quần áo, đánh giày thật mau, ngồi vào bàn, viết thư trả

lời, thư kể sơ về mình, về quê mình, thành phố Tây Ninh, Danh viết cho Diễm “ Anh không rành Saigon lắm, nhưng anh biết Saigon, cô nào ăn nói cũng ngọt ngào, nhẹ nhàng, dễ thương, hơn những cô tinh lẻ, Diễm dừng hỏi Dalat, cô nào môi đỏ, môi hồng, anh chịu thua, không biết một cô. Danh viết thêm, nhớ gửi cho anh một tấm hình của em. Thư Danh gửi khá lâu, tới lúc Danh không còn chờ mong gì nữa, thư Diễm đến, lần này cô nàng viết tên, SVSQ Võ ... Danh, thật đẹp, cũng vì tên Diễm viết trên phong bì, nét bút chì của trung đội trưởng, (lính mà còn bay bướm, 20 hít đất). Thư có hình, không phải một hình, mà 3 cái, mỗi hình một kiểu. Điều làm Danh thích nhất, Diễm rất có duyên, khuôn mặt thoang thoang, mũi thẳng trong chiếc áo dài màu trắng, thật thơ ngây, chiếc cặp đen trên ngực, miệng cười, đứng cạnh cổng trường. Một tấm hình chung mấy cô, Diễm cẩn thận gạch chéo, Danh khỏi cần cũng nhận ra người nào. Danh lật đật trả lời, Danh viết, hình em đẹp hết hồn, thư cô bé viết lại “Hình xấu tới nỗi làm anh hết hồn phải không?, có ai hết hồn khi nhìn hình đẹp đâu? Danh đọc đi, đọc lại lá thư, trong thư trả lời, nhẹ nhàng xin lỗi “Em thông cảm, lính không quen viết thư”. Thư qua, thư lại, hình càng ngày càng nhiều, Danh đã yêu Diễm qua những thư cô bé viết, qua hình Diễm gửi, tuy chưa gặp, chưa nghe giọng nói thật sự, cuối thư bao giờ Danh cũng viết một câu ngắn, Diễm, anh yêu em rồi đó. Lá thư gửi đi, lần này thật lâu, không thư trả lời, Danh nghĩ vẫn vợ, hay cô bé không muốn nói chuyện này, mình có vội lắm không? Một buổi tối học chiến thuật đêm, về tới trường thật khuya, trên bàn học, hai lá thư của Diễm, lá thư dày cộm, chắc nhiều hình lắm. Diễm hỏi, thư anh viết, anh bị phạt vì thư của em, em mang thư hỏi Lan, bạn của anh Hoàng, nó nói “Mấy ông võ bị bị phạt như cơm bữa, hơi nào mà y lo, anh Hoàng bị phạt vì thư của tao, đếm không xuê, mỗi lỗi, mỗi phạt, viết xấu cũng phạt, viết bay bướm thì phạt nhiều, viết nghiêng cũng phạt, viết đứng cũng phạt, tem dán nghiêng, cũng phạt. Ở võ bị, phạt đê

cho mấy sinh viên khỏe, ăn nhiều thêm, chết chóc gì mà sợ, nghe Lan nói, em hết lo. Mấy thư sau, Diễm viết mạnh dạn hơn “anh nói với niên trưởng của anh, làm khó dễ vừa vừa chứ, tụi em mà quảng cáo các anh khó chịu lắm, lúc ấy mấy niên trưởng của anh không quen cô Sài Gòn nào đâu. Diễm kể, anh biết không, một lần, hai anh võ bị tới công trường đón người yêu, tụi em, ai cũng ngạc nhiên, xâm xì, võ bị “oai và đẹp quá, nhưng trông chẳng giống lính chút nào, bẽn lẽn như con gái, “tụi em đùa nọ nói với đùa kia, trông hai ông võ bị ngỡ ngác như chú rể đi hỏi vợ. Có nhiều đùa bao miệng còn nói thật to “Anh chờ ai vậy, em đây nè, đùa khác lại nói “không phải lính thật đâu, lính đóng phim đó” Hai ông Võ Bị, nhìn nhau, đứng như trời trồng ngay trước công trường. Từ đó, tụi em có tên “Võ Bị là lính cây Si “.

Thư qua, thư lại, mùa Đông, Danh nhận được một gói khăn quàng len, Danh dấu, không dám đeo trên cổ khi tập dọ chiến, sợ mấy thằng bạn nhạo, quàng khăn trong phòng, soi gương, thật buồn cười, lính mà Diễm nghĩ như búp bê, màu mè, xanh đỏ, Diễm viết trong thư, anh nhớ đeo khăn quàng, chụp hình, khi đi tập, tuy vậy, Danh cũng chụp được một mớ hình để gửi Diễm. Nhận được hình, Diễm nói “anh biết không? Em mang hình khoe mấy đứa bạn, tụi nó hỏi, anh có bạn nào muốn quen mấy cô Sài Gòn nữa không? Gửi tên, địa chỉ, mấy anh sẽ có thư gửi tới ngay.

Gần tết, Danh và một số bạn có tên trong danh sách được đi phép. Danh muốn dành ngạc nhiên nên chẳng viết cho Diễm. Diễm viết thư hỏi “anh à, em thấy nhiều sinh viên võ bị về Saigon lắm, anh có được đi phép không?. Danh trả lời “Anh sẽ được đi 7 ngày nhưng lương lự, chưa biết về đâu, chắc anh không lấy phép đâu? Diễm trả lời ngay “Sao anh hỏi kỳ vậy? Về Saigon chứ về đâu nữa, vậy mà cũng hỏi, kể từ giờ này, anh chỉ còn một địa chỉ thôi nhé, em không nhắc lại nữa đâu? Cuối thư Diễm tiếp, em chờ đó “. Tái bút: Anh không đi phép Saigon, em nghỉ chơi luôn, khỏi viết thư luôn. Anh muốn thế nào, tùy anh. Danh đọc thư xong, cười

một mình, góm đùng nóng cô Diễm ơi. Vài ngày, lại nhận được một thư khác “Anh đi phép chưa? Sao lâu vậy, hay anh về lạc địa chỉ rồi, nhớ nghe, đi lạc thì đi luôn cho dễ tính sổ”. Danh cười, lỏ viết thư như nói chuyện vậy mà lại hay.

Sau lần thăm Diễm, Danh nhớ lại lời thì thăm khi Diễm hỏi Danh về ý định trong tương lai, Diễm hỏi Danh có bao giờ nghĩ đến hôn nhân hay không? Danh nhớ, Diễm vừa nói vừa nắm tay Danh, bàn tay cô bé mềm mại, nóng hổi, Diễm bạo dạn ghé sát vào Diễm, hôn nhẹ trên cặp môi, Diễm im lặng, hơi thở dồn dập. Tình yêu theo thời gian tuy thân mật hơn theo những lá thư chồng chất, nhưng vẫn như thiếu một điểm gì. Danh chưa bao giờ trả lời được câu hỏi “Chuyện tương lai”. Thời gian qua mau. Danh mãi khóa, được nghỉ phép, trước khi trình diện đơn vị, Danh dành gần hết thời gian đi phép gần Diễm. Hai đứa quấn quít, Diễm theo Danh về thăm nhà mình tại Tây Ninh. Gia đình Diễm cũng dễ chịu khi thấy Danh hiền lành, chân thật. Nhiều khi chỉ có hai đứa, Diễm luôn gợi ý về chuyện tương lai, thật tình, Danh không muốn lừa dối Diễm, yêu Diễm, nếu hai đứa thành vợ chồng, Danh chẳng có gì để ân hận, tiếc nuối. Diễm có đủ mọi đức tính của người vợ, hơn cả những gì Danh mơ ước, Diễm lại đẹp, cái đẹp không sắc xảo, nhưng có duyên. Cả hai tuy không nói ra, nhưng ngầm hiểu, khi Danh ra đơn vị, phải hành quân, tất nhiên xa mặt cách lòng, khó giữ được tình cảm hiện nay, dù cả hai vẫn nhớ, vẫn thương, nhưng Diễm không hy vọng, một ngày nào đó, hai đứa lấy nhau. Ở đơn vị, hai đứa vẫn viết thư, vẫn tặng nhau những bản nhạc yêu cầu, Có lần, Diễm còn dám theo xe đò khi biết tin Danh nghỉ dưỡng quân sau cuộc hành quân dài, Diễm tới thăm thật vội vàng, vài tiếng đồng hồ, tình cảm sâu đậm nhưng vẫn đậm chân tại chỗ. Chuyện tình nếu không thành vợ chồng, thì cũng có lúc mất, nhiều khi chẳng có lý do gì, đó là qui luật bất di bất dịch. Mấy năm sau, thư càng ngày càng ít, chờ đợi làm mỏi mòn, dù chẳng ai nói tới già từ, thật sự Danh và Diễm tuy không quên nhau, nhưng

tình yêu giống như cây ăn trái, mỗi ngày qua, cây càng ít trái, không xum xê như những mùa đầu. Một hôm, đọc tờ báo xuất bản tại Sài Gòn, báo mới xuất bản trong ngày, Võ thấy một ô, dòng chữ in thật lớn, chiếm cả một phần trang báo “ *Nhận được tin mừng của bạn thân “ Nguyễn Thị Thúy Diễm sẽ thành hôn với thiếu úy.... “ . Nhóm bạn cùng lớp với Diễm chúc hai bạn trăm năm hạnh phúc. “*. Danh đọc đi, đọc lại tin, địa chỉ rành rành, không nghi ngờ gì nữa, Diễm của Danh ngày nào. Danh thở dài, một thoáng buồn, nhưng tự trách mình, Diễm đâu có lỗi gì, con gái, cũng như cánh hoa, có một thời, mình đâu thể đòi hỏi Diễm phải chờ đợi một môi tình không bao giờ có đoạn cuối như mong muốn. Diễm đã nhiều lần nhắc mình, nói chuyện tương lai rồi mà. Thế mới biết, hạnh phúc là những gì khi đã vượt khỏi tầm tay. Danh phải mừng cho Diễm, suy nghĩ xong, lật đật lấy giấy viết một thư dài, trong thư, nhắc lại chuyện tình hai đứa từ lúc còn ở Võ Bị, rồi những lúc hai đứa đi chơi khắp chốn, mỗi nơi, kỷ niệm nụ hôn đầu, những ngày phép, những lần Diễm thăm Danh tại đơn vị, cuối cùng chúc Diễm hạnh phúc. Trước khi dán phong bì, Danh đọc lại thư, tự hỏi, sao mình viết thư, tại sao không tâng lờ như chưa bao giờ đọc những dòng tin trên báo. Danh lại xé, tự nhủ, không, Danh không thể viết như vậy, nhưng sau một lần xé, thư viết lại dài thêm.

Danh nhắm mắt, nói một mình, như đang nói với Diễm bằng xương bằng thịt trước mặt, “Anh chúc Diễm luôn hạnh phúc, anh không mảy may trách Diễm, ngược lại, mừng cho em, em xứng đáng được hưởng hạnh phúc vợ chồng cho dù với ai, không phải là anh, lỗi tại anh, hay đúng ra, lỗi tại duyên số, chúng mình không được ở bên nhau như những buổi đầu, như mơ ước. Cuối thư, Danh viết hôn em, rồi ký tên, khi đọc lại thư, Danh xóa chữ hôn em, tự nhủ, mình không có quyền gì với Diễm nữa, quá khứ chỉ là một kỷ niệm đẹp đầu đời.

Phố Áo

Phạm Tín An Ninh

*(tập thơ của một người khách đời đang
chờ chuyển đồ chiều để sang bên cuối)*

Tôi bước vào *Phố Áo* với lời giới thiệu của một người dẫn đường khả kính, nhà văn Tâm Thanh:

***“Con chim sắp chết hót tiếng bi thương,
Con người sắp chết nói lời tâm huyết”***

Cụ Phan Bội Châu viết lời trên trong *Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư* năm 1903. Ba mươi bảy năm sau (1940) Cụ mới qua đời tại Bến Ngự trong cảnh giam lỏng.

Người con gái *Sông Hương* vừa bị định mệnh lên án treo. Cô có được ân xá và diên trì sự sống một thời gian dài như Cụ Phan không? Trong viễn ảnh Phật giáo mà cô là một tín đồ, tiếng gọi về ngay hay lệnh hoãn không nhất thiết là tốt hay xấu, chỉ là duyên nghiệp trong luật tử sinh chung. Dưới nhãn quan đạo Chúa mà phu quân là tín đồ, việc ở hay đi nào có gì quan trọng, nếu người ta sống xứng đáng và yêu thương tới giờ phút cuối cùng. Tôi tin cô đã quan niệm và đang sống như chí hướng của cả hai tôn giáo ấy. Sự tin tưởng của tôi đã được xác chứng khi đọc thơ của cô.

Cô muốn đã đến lúc người thân yêu và bằng hữu nghe

tiếng lòng mình – qua thơ. Đó là lý do sự hiện diện của tập thơ muôn màng này.

*

* *

Với những lời giới thiệu của người dẫn đường từng trải ấy, tôi đã bước vào *Phố Áo* với thái độ cẩn trọng cùng một tâm hồn mang đầy cảm xúc. Lo sợ một tiếng động nhỏ, chỉ tiếng sột soạt của trang giấy mở ra, cũng có thể làm tan vỡ cái bóng thời gian mong manh và những hình ảnh lung linh, huyền hoặc. Tôi cũng đã mất đi ý định ban đầu, lúc vừa mở ra *Phố Áo* - không phải tìm đọc chữ nghĩa, vần điệu trong thơ - mà đi tìm giá trị tình yêu, những thao thức và lòng trắc ẩn trước sự phù du, vô thường của kiếp nhân sinh - rất thực. Điều tưởng chừng đơn giản ấy, bao lần ngỡ mình đã ngộ ra, nhưng sao vẫn cứ trù tượng mơ hồ, như những lần nghe kinh bằng tiếng Phạn, cảm nhận được cái âm điệu từ bi mà nào có thấu hiểu gì đâu trong những triết lý cao siêu của đạo Phật.

Trên sân khấu đời hữu hạn ấy, cô gái Sông Hương đã phải thủ nhiều vai diễn, khóc cười theo từng đợt sóng phé hưng.

Không phải có gốc gác từ một cố đô huyền thoại, bên dòng Hương giang trầm mặc, cùng bao lời ru điệu hò xao xuyên lòng người, và được sinh ra rồi lớn lên bên dòng sông Hàn của xứ Quảng Nam “địa linh nhân kiệt”- nơi đã sản sinh ra nhiều nhà văn nhà thơ nổi tiếng của miền Nam - mà thơ len lén đi vào tâm hồn cô bé Lilly. Thực ra, thơ đã có trong Lilly ngay từ thuở “mẹ chưa về với cha”. Và cũng có thể chính thơ đã tạo ra Lilly. Bởi thân sinh là một nhà thơ thành danh khi còn rất trẻ, hơn nữa, lại là một phi công hào hoa của thời chinh chiến, bao lần đem mây trời dệt những vần thơ... đã làm xiêu lòng cô nữ sinh Đồng Khánh - mẹ cô, cái thời “anh theo Ngộ về” hơn năm mươi năm trước.

Nhưng đến ngày vĩnh viễn nằm xuống ở một nơi nào đó cùng những đồng đội khi quê hương miền Trung mất vào tay giặc, có lẽ nhà thơ Nhân Hậu chưa biết được dòng thơ trong máu của ông sẽ luân lưu tiếp nối, tuôn tràn ra theo ngòi bút của cô con gái Lilly trong ngày giỗ của chính ông:

*Ba ơi, con thấp hương ngày giỗ
Cúi lạy Ba dâng mấy nén nhang
Thương Ba, mắt nhỏ lệ hai hàng
Ngày Ba mất không một ai đưa tiễn*

*Ba ơi, hai tiếng con thêm gọi
Nay chỉ vang trong nỗi nghẹn ngào
(Ngày giỗ Ba)*

Lời thơ còn đọng những giọt nước mắt ấy chưa kịp khô, thì trên đầu Lilly quần thêm vành tang Mẹ. Người mẹ từng khâu những vết thương của những chiến binh trận mạc, vá trái tim cho bao góa phụ của một thời ly loạn, để rồi đến khi chính bà phải trải qua nhiều nỗi đau với bao thương tích trong lòng, thì chẳng có còn ai để có thể xoa dịu được, ngoài cô bé Li thơ dại. Bà đã dành cả phần đời còn lại cho đứa con gái cưng yêu bé bỏng nhưng sớm biết đón nhận những mất mát, chia lìa. Theo con sang xứ người, sống trong vùng Bắc Âu băng giá, gia tài chỉ còn có trái tim, bà đã đem nó để sưởi ấm cho cô con gái tội nghiệp của mình. Nhưng rồi cũng chỉ được tám năm. Bà ra đi bỏ lại con bé Li ngày nào giữa trời đất mê mông. Sau những ngày khóc mẹ, thơ trong Li cũng đã tuôn ra theo dòng nước mắt:

*Nấn nót con ghép vắn thơ Mẹ
Viết những dòng uơm lả thương yêu
Mẹ ơi, con nhớ Mẹ rất nhiều
Nỗi mong nhớ gửi theo chiều gió
Mẹ ơi, nay Mẹ đang yên nghỉ
Có gặp Ba trong giấc ngủ ngàn thu*

*Hay cùng Ba khắp nẻo chu du
Ba Mẹ vui, con xin cầu nguyện
(Mẹ đi rồi)*

Nếu Lilly, cái tên ký dưới nhiều bài thơ hoài niệm về tuổi thơ, nhớ cha khóc mẹ - bởi chính Lilly là cái tên mà cha mẹ thường gọi con bé Li thời thơ ấu – thì Bích Thu là bút hiệu cho những bài thơ bình dị dễ thương của cô gái tha hương, trong tuổi biết yêu, da diết nhớ quê, nhớ từng con đường góc phố, dòng sông tuổi thơ, ngôi trường, bạn thầy một thời cấp sách.

*Quê hương nơi chân trời
Lòng thương nhớ khôn nguôi
Mai kia về thăm lại
Sân nhỏ ngày xưa chơi
(Xa Quê)*

*Thương nhớ quê xưa tận chân trời
Lòng thương nhớ lắm không sao vơi
Ngày đi trữu nặng sầu ly biệt
Giờ đây chỉ biết nhớ thương thôi*

...

*Tôi nhớ mãi chợ Cồn chợ Mới
Có còn chăng những cảnh chen chân
Đường Đống Đa, Độc Lập đâu rồi
Hay vắng như sông Hàn hiu quạnh
Kỷ niệm xưa về trong trí tưởng
Để nặng lòng thêm những vấn vương
Những tiếc nhớ bao mùa lá úa
Theo thời gian rơi rải sân trường...*

(Nhớ Quê)

Lilly lớn lên bên dòng sông Hàn quạnh vắng. Có lẽ nước sông Hàn mang theo cả dòng thơ sữa mẹ để nuôi lớn bao chàng (và nàng) thi sĩ miền Nam. Vì vậy không chỉ có Lilly

thương nhớ sông Hàn, mà sông Hàn đã có trong thơ của rất nhiều thi sĩ Quảng Nam tài danh khác. Bài thơ Sông Hàn mới nhất của nhà thơ Luân Hoán, một đồng hương có cùng tâm sự với Lilly:

*(sông thổi theo cùng nhịp gió bay
ta ngồi nghiêng má ngóng đông tây
nắng trầm hương khói hồn dĩ vãng
thương nhớ lênh đênh mặt nước đầy*

*sông vẫn im nghe ta thổi đầy
cả thời dĩ vãng níu bên tay
lặng im sờ nắn ngày xưa cũ
mỗi tiếng lòng thom một áng mây*

*nằm nhé em yêu, sông thảng tư
lim dim đừng ngủ lắng nghe từ
lòng ta kỷ niệm thom trời đất
hoa nở bùng ngàn cuốn bạch thư
hương mới hương xưa quện lấy nhau
dòng sông giữ giúp mối tình đầu
du âm thơ đại thom đầu lười
sông chảy về đâu em đến đâu)*

(Sông Hàn – Luân Hoán- tháng 4/2011)

Và không biết “dòng sông (Hàn) có giữ giúp mối tình đầu” cho Lilly như của nhà thơ Luân Hoán hay không? Trong thơ, Lilly chỉ nhớ (mà dường như không tiếc?) những lần lỡ chuyến tàu... tình ái, và cũng đã sông phẳng gởi trả lại cho người “một chút vương vấn ngày nào”:

Hôm nay em lại lỡ tàu
Cũng như lỡ hẹn lần đầu với anh
Cuộc đời tựa bến mong manh
Nay đây mai đó qua nhanh tháng ngày
Một lần lỡ hẹn hôm nao
Trọn đời anh hối, lỡ bao nhiêu lần
Lần thương, lần nhớ, lần hờn
Lỡ bao nhiêu mộng chấp chờn hư không
Thu về kẻ lại tiếp đông
Nhưng lòng luôn mãi ngóng trông chuyến tàu
Giá em đừng lỡ...lần đầu
???

(Lỡ Tàu)

Trả người đây những vần thơ
Trả người đây những giấc mơ bình thường
Trả người một chút nhớ thương
Trả người một chút vấn vương ngày nào

(Trả Người)

Rồi như chiếc thuyền mong manh giữa biển đời mênh mông gió bão, dạt vào bến đỗ bình yên, mà lòng vẫn băn khoăn, tưởng chừng những gì mình đang có trong tay như chưa phải là điều có thật:

Bong bóng bay, em nắm trong tay
Một khoảnh khắc, thời gian nào hay
Là của em, hay là hư ảo
Sợi sắc không dệt mãi chuỗi ngày
(Bong bóng bay)

Em dệt vần thơ giữa chợ đời
Thả thơ lơ lửng khắp nơi nơi
Đề thơ tìm lại người xưa cũ
Một thưở cùng em thả bong chơi
(Em dệt vần thơ)

*Anh sẽ nói gì nữa không anh?
Đừng chờ em những chiều nắng hanh
Gió thu về cho vàng cây lá
Như tình ta đó...sao mong manh
(Anh hỏi)*

Lilly giờ trở thành Doanh Doanh với những bài thơ ngợi ca tình yêu, hạnh phúc.

Ông nhạc sĩ tình ca, tác giả của những Bài Không Tên, mà những lời ca sau đây đã làm nên tên tuổi, được nhiều người từng trải yêu đương cho là một định nghĩa tuyệt vời: “Đời một người con gái, ước mơ đã nhiều, Trời cho không được mấy. Đến khi lấy chồng, chỉ còn mối tình mang theo”. Từng là nữ sinh của các ngôi trường Lycée Blaise Pascal (Đà Nẵng), Marie Curie (Sài Gòn) nổi tiếng lãng mạn một thời, không biết cô bé Lilly ngày nào đã trải qua bao nhiêu cuộc tình, nhưng dường như đến khi trở thành Doanh Doanh thì chẳng có mối tình (đúng nghĩa) nào để mang theo. Bởi qua bao đổ vỡ, người ta thường vất bỏ bớt lớp áo choàng lãng mạn, để nhận ra chân lý: “*Yêu không phải là nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng*”. Câu nói rất quen thuộc của một tác giả người Pháp nào đó. Xem ra cái định nghĩa lần này lại thích hợp với cô gái Sông Hương, đã từng một thời mơ mộng, một thời khổ đau, khan cổ gọi tình về. (*Khan Cổ Gọi Tình Về* cũng là tựa một thi tập của nhà thơ đồng hương Đà Nẵng- Trần Yên Hòa)

*Không anh sao lòng ai trống trải?
Mộng hôm nay gửi lại ngày mai
Ước mong cùng nhìn về một hướng
Một phương trời nơi chốn tương lai
(Anh Là Ai?)
Em đang mơ giấc vô thường
Một mai tỉnh giấc đoạn trường, mộng tan*

*Quê hương mù mịt ngút ngàn
Ba mươi năm lẻ vội vàng lướt qua
(Em Đang Mơ Giấc Vô Thường)*

*Vì biết anh cùng một quê hương
Cùng nhìn, cùng hướng về một phương
Xa xôi nơi đó là Nam Việt
Giờ ở nơi này ta luyến thương
(Làm Sao)*

Cái hướng mà Doanh Doanh và người tình (trăm năm) nhìn về chính là quê hương mà ngày nào họ đã đành bỏ lại sau lưng. Nơi đó không chỉ còn những dấu chân thơ dại, mồ mả ông bà, hài cốt của cha, cùng bao người thân, bạn bè quen thuộc, mà còn cả một dân tộc đang bị đọa đày khốn khổ dưới sự cai trị bạo tàn của đám đồng chủng không có trái tim người. Hai người luôn bên nhau, tay trong tay cất cao lời hát cho quê hương quang phục. Ai nói trong đấu tranh người ta không lãng mạn? Đấu tranh đã là một chất keo màu nhiệm để họ càng gắn bó nhau hơn:

*Từ ngày quân giặc vào
Đất nước lăm lao đao
Bao gia đình tan nát
Đau lòng cắt như dao*

*Dù thời gian có dài
Dù đời lăm chông gai
Anh ơi xin đừng nản
Mai về hết bi ai*

*Anh ơi, mai sẽ về
Xin làm như lời thề
Xin đứng lên đuổi giặc
Cho dân thoát u mê*

Ngày mai không xa vời
Dù quê hương xa xôi
Bao nhớ thương cất giữ
Âu yếm trong tim tôi...
(Xa Quê)

Giờ đây anh đang thở tự do
Nhưng lòng anh mãi mãi buồn lo
Quê hương dân tộc còn đau khổ
Anh mơ ngày đất nước tự do

Giấc mơ của anh là của bao người
Thế hệ hôm nay và của thời
Vàng son với cờ vàng ba sọc đỏ
Anh mãi...là người yêu chuộng tự do
(Người Yêu Chuộng Tự Do)

Nữ nhi làm gì cho đất nước
Em ước mình có phép thân tiên
Cắt tay lên phá hết xích xiềng
Đuổi giặc đỏ... em về quê mẹ
(Nắng xanh xao)

Nhiều khi, trong tốt cùng hạnh phúc, người ta lại bắt đầu lo sợ chia ly. Đứng trên đỉnh yêu đương có khoảnh khắc giật mình mơ hồ những hố sâu phía dưới. Tâm trạng thường biểu lộ bằng một chút dỗi hờn, âu yếm:

Khi em chết có ai buồn không hở
Có ai thương ai nhớ tặng dòng thơ
Em chết đi hồn em sẽ bơ vơ
Em sẽ về nơi xa quê...buổi ấy

Khi em chết anh có buồn không hở
Anh còn thương còn nhớ tới em không?

*Chắc tình ta lúc ấy sẽ không cùng
Anh có ước mong em về bên cạnh?
Khi em chết anh nhớ trông hoa tím
Em sẽ về trong những buổi chiều im
Đón chút tình anh không còn dấu kín
Hồn nở hoa theo ánh nắng dần chìm.
(Khi Em Chết)*

Không ngờ những lời thơ âu yếm trong lúc mặn nồng lại là một tiên tri cho số mệnh. Trong mơ mộng, dù là mơ mộng của một người làm thơ “mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây”, nhưng trước một bất hạnh nào cũng làm cho người ta tỉnh thức. Lilly bé bỏng thiên thần, Tiểu Thu mơ mộng yêu đương, Doanh Doanh với bao mất mát, cay đắng, chia lìa rồi mạnh mẽ trong đấu tranh, thiết tha với hạnh phúc, bây giờ thực sự đã trở về với con người thật của nhà thơ - Kỷ Lan. Bút hiệu cuối cùng cũng là tên trong khai sanh của cô bé sông Hương mà nhà văn Tâm Thanh đã giới thiệu trước khi bước vào *Phố Áo*.

Tin Kỷ Lan bị một căn bệnh ngặt nghèo, chỉ có người thân mới biết. Kỷ Lan không muốn cho bạn bè phải lo lắng cho mình. Biết thời gian còn lại rất mong manh, nhưng Kỷ Lan vẫn bình thản, dành những giờ khắc đặc biệt này cho chồng, cho các con, và cho những bằng hữu thân tình. Đâu cần phải đến tuổi 50 hay 60, con người mới “tri thiên mệnh”, nếu họ đã sống qua mọi hi nộ ái ố của cuộc đời, trải nghiệm chuyện sắc không và sống hết lòng với tất cả mọi người. Cái bóng đen vừa phủ xuống, với Kỷ Lan, lại là bóng mát cho một cuộc dừng chân, nghỉ ngơi, suy nghiệm và mở cho hết vòng tay yêu thương, trước khi tiếp tục cuộc hành trình viễn mộng. Trong cái bóng mát ấy, những trang cuối cùng của *Phố Áo* được hình thành để chuyên chở, gửi gắm đến người thân thiết nhất- phu quân và các con thơ -

bao điều tâm huyết :

*Lỗi tại em không trọn đoạn đường
Mà giữa chừng gãy cánh tơ vương
Chàng ơi, nơi suối vàng yên nghỉ
Hồn em luôn ôm ấp nhớ thương
(Lời Cuối Cho Chàng – 19.9.2010)*

*Mai em đi, ai tiễn em đây
Trời có mưa, sương mù giăng đầy
Hay trời trong, nắng hanh vàng ấm
Như những ngày gió thổi tóc bay*

*Em sẽ đi về khung trời đó
Em sẽ về trong từng cơn gió
Vuốt ve anh, mong trốn tóc bông
Ôm các con trong cảnh sắc không..*

*Anh ở lại lo con anh nhé
Kiếp này là tạm, hẹn kiếp sau
Ta sẽ yêu nhau, làm lại từ đầu
Và em sẽ không bỏ đi sớm nữa..
(Mai Em Đi -05.10.2010)*

Bài thơ “ Hai tiếng...Mẹ Ôi” với lời ghi chú của tác giả “Ước mong các con đọc và hiểu những dòng này”. Xin trích mấy câu:

*Con gọi Mẹ, như bao người gọi Mẹ
Tiếng gọi đầu Mẹ sung sướng lắng nghe*

*Vòng tay Mẹ, âu yếm chở che
Bôn ba tháng ngày...con còn nhớ lắm*

*Mẹ cho và dạy con nhiều lắm
Dạy cuộc đời cần sống với yêu thương*

*Dù xa xôi cách trở bao dặm đường
Có Mẹ trong tim cho dù xa cách..*

Ai đã đi qua hết *Phố Áo*, dù khách lạ hay quen, có lẽ cũng phải dừng lại, thần thờ nghe lòng chùng xuống, trí óc bỗng trở nên mơ hồ mụ mẫm, không còn khả năng tìm được lối ra và cũng không đủ sức để bước xuống những bậc tam cấp - Bởi không một ai muốn đó là những bậc tam cấp cuối cùng - Tốt nhất là đi ngược lại, theo lời người dẫn đường Tâm Thanh, để tìm lối ra bằng cửa trước:

“Trong gập rút các bài thơ chưa được sắp xếp theo diễn biến tâm lý thi sĩ, nhưng gia đình và thân hữu đọc thơ Lan trong hoàn cảnh đặc biệt này, sẽ giấu đi giọt nước mắt để vui cười thoải mái với Lan, và sẽ cảm thấy yêu mến Lan hơn, một người khỏe mạnh đã sống sôi nổi với thương với ghét, đã làm phật lòng người này, đã nuông chiều người kia, không toàn bích; nhưng bây giờ đã thành vòng tròn. Lan muốn nói lời cuối cùng – nói theo Cụ Phan, lời tâm huyết – Lan muốn sống lâu lâu để thương mến mọi người, nhưng nếu phải đi trước thì xin ở lại bình an. Còn bao nhiêu Lan xin nhường lời cho tĩnh mạch:

*Im lặng sao chất chứa bao lời
Lời thương, lời nhớ, lời yêu thôi
(Im Lặng)*

(Tâm Thanh)

Xin cảm ơn *Phố Áo*. Xin cảm ơn Kỹ Lan và phu quân. Xin được cất giữ món quà tặng *Phố Áo* này như là một kỷ vật quý giá nhất, và cầu chúc cho Kỹ Lan đạt được mọi điều mong ước – dù ở lại hay sẽ rời bỏ một chôn phù du hư ảo –

Bắc Âu, một ngày mưa buồn cuối hạ
Phạm Tín An Ninh

Đoản Khúc Cho Mẹ

Forget-me-not

Bằng ngồi lặng yên nhìn bức ảnh bán thân của mẹ treo ở tường, cạnh giường ngủ. Thờ đó, tóc mẹ xõa dài, uốn um úp, càng làm tăng thêm vẻ dễ thương của khuôn mặt đầy đặn nhưng thật hiền hòa, đôn hậu của những cô gái miền nam. Mắt mẹ đen láy Bằng nghĩ trên khuôn mặt mẹ, cặp mắt là điểm nổi bật nhất, mắt mẹ to, sáng long lanh, ánh lên vẻ thông minh, lanh lợi. Mà mẹ Bằng thông minh thật, ông bà ngoại bảo, từ bé đến lớn mẹ luôn là học sinh ưu tú của trường, mẹ là nguồn tự hào của ông bà ngoại.

Suy nghĩ miên man. Bằng lại dõi mắt nhìn bức ảnh đen trắng, ba đang trao nhẫn cho mẹ trong ngày cưới, hai người thật hạnh phúc bên nhau, bức hình được mẹ mang theo trong lần vượt biên mà thật khó khăn mẹ mới giữ được. Sau khi lập gia đình, mẹ dạy học ở Cần thơ một thời gian, rồi chuyển về Di linh và sau cùng Đà lat đã mở rộng vòng tay đón gia đình Bằng. Bằng đã có một tuổi thơ hồn nhiên bên ba mẹ trong căn nhà dấu yêu ở Dalat, căn nhà xinh đẹp có cơ man hoa và cỏ, có giàn thiên lý ngát hương. Cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc trong thành phố thơ mộng ấy với Bằng sao mà qua nhanh quá. Biến cố bảy lăm xảy ra, làm thay đổi tất cả, gia đình phải dọn vào Sài Gòn, rồi ba lên đường vượt biên, mẹ ở lại khổ sở từ vật chất đến tinh thần nhưng mẹ đều vượt qua khỏi. Mẹ can đảm dắt díu gia đình vượt biển ra đi, bất kể hiểm nguy, sóng gió, cận kề với cái

chết... Để rồi cuối cùng vợ chồng, cha con lại được đoàn tụ. Những hạt mắt sung sướng của mẹ lại chảy ra trong trùng phùng, hội ngộ. Mẹ lại tiếp tục bước, những bước đầu tiên trên xứ sở xa lạ. Mẹ lại cần mẫn siêng năng trong sở làm. Dù không tiếp tục làm nghề giáo nhưng công việc của mẹ cũng gần gũi với sách vở, với học trò, với những người đam mê học hỏi. Ngoài việc làm ở thư viện mẹ còn cùng ba theo nghiệp viết văn, làm báo. Mẹ truyền lại cho thế hệ sau những kiến thức về lịch sử, văn chương, về cuộc sống hôm nay. Mẹ còn mang đến cho độc giả những nụ cười dí dỏm, hồn nhiên... để tạm quên đi những mệt nhọc của cuộc sống.

Thế mà, mẹ đành đoạn bỏ bao nhiêu người yêu mến mẹ để ra đi, vĩnh viễn ra đi sao mẹ?

Căn phòng nhỏ ẩm cúng từ ngày mẹ đi, ba đã để yên như cũ, vài ba ngày ba lại mang drap, mền ra giặt. Sau giờ tan sở về, ba lại mở cửa lặng yên nhìn căn phòng, tưởng như mẹ còn trong đó, rồi lẳng lẳng đóng cửa lại. Ba trầm lặng lại càng trầm lặng hơn.

Nỗi đau khổ vô biên của ba, Bằng hiểu được, vì Bằng cũng đang đau khổ tột cùng trước sự ra đi của mẹ. Mẹ ơi, sao mẹ ra đi vội thế? Mẹ bỏ ba, bỏ chúng con, bỏ đứa cháu nội bé bỏng chưa đủ lớn khôn để hiểu rằng bà nội sẽ không bao giờ còn trở về với mình nữa!

Bằng cắn môi, không muốn khóc, nước mắt vẫn lăn dài trên má. “Bằng, con trai mẹ lớn rồi không được khóc!” Mẹ lấy tay lau nước mắt, ôm cậu vào lòng dỗ dành, mỗi khi Bằng khóc nhè thời còn bé. Giờ thì mẹ còn đâu để ôm Bằng trong vòng tay ấm?

Ánh nắng tràn vào căn phòng nhỏ, màu nắng chiều buồn bã, hoang liêu... Bằng đứng lên kéo lại màn cửa sổ, vặn chiếc đèn sáng lên cho phòng mẹ đỡ âm u, rồi rời phòng mẹ. Mẹ ơi, hãy ngủ yên nghe mẹ ngàn đời yêu dấu của con!

Viết cho Bằng của chị.

Forget-me-not

Những Tổng Thống **KHÔNG DO DÂN BẦU.**

(The Presidents by Accident).

BDQ Nguyễn chánh Dật sưu tầm.

Trong lịch sử của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ có 14 vị Phó Tổng Thống đã trở thành Tổng Thống dưới nhiều hình thức xảy ra cho Tổng Thống như từ trần, bị ám sát, từ chức hoặc bị bãi nhiệm. Có 5 vị Phó Tổng Thống sau đây sau khi đã hoàn tất nhiệm kỳ Phó của mình, ra ứng cử liền hoặc một thời gian sau và đã đắc cử Tổng Thống.

1) Tổng Thống thứ 2, John Adams (Oct 30, 1735 – July 4, 1826) một nhiệm kỳ (1797 – 1801) nguyên là Phó của Tổng Thống George Washington.

2) Tổng Thống thứ 3, Thomas Jefferson (April 13, 1743 – July 4, 1826) hai nhiệm kỳ (1801 – 1809) nguyên là Phó của Tổng Thống John Adams .

3) Tổng Thống thứ 8, Martin Van Buren (Dec 5, 1782 – July 24, 1862) một nhiệm kỳ (Mar 4, 1833 – Mar 4, 1837) nguyên là Phó của Tổng Thống Andrew Jackson.

4) Tổng Thống thứ 37, Richard Nixon (Jan 9, 1913 – April 22, 1994) gần hai nhiệm kỳ (Jan 20, 1969 – August 9, 1974) nguyên là Phó của Tổng Thống Dwight Eisenhower (cũng là sui gia với con trai của Eisenhower). Nixon ra tranh cử năm 1960 đã thua sát nút Thượng nghị Sĩ John F. Kennedy. Năm 1968 ông lại được đảng Cộng Hòa đề cử một lần nữa và được đắc cử. Tháng 9/1974 ông chọn cách từ chức vì vụ tai tiếng Watergate.

5) Tổng Thống thứ 41, George H.W. Bush (June 12, 1924 -) một nhiệm kỳ (Jan 20 , 1989 – Jan 20, 1993) nguyên là Phó của Tổng Thống Ronald Reagan. Ông đã đánh bại Thống Đốc Massachusetts, Michael Dukakis; việc đắc cử của Tổng Thống Bush rất hiếm và lịch sử đã tái diễn 156 năm sau kể từ khi Phó Tổng Thống Van Buren đắc cử vào năm 1832 .

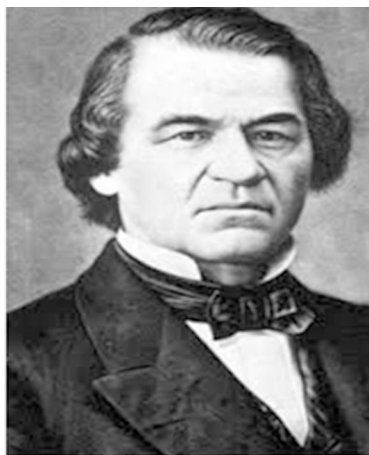
Tiếp đến có 8 vi Phó Tổng Thống trở thành Tổng Thống khi người trưởng của mình từ trần, bị ám sát hoặc từ chức. Những vị này, sau đó không tái ứng cử hoặc tái ứng cử. Trong số những vị tái ứng cử, có một số đắc cử nhưng cũng có một số thất cử.

1) Tổng Thống thứ 10, John Tyler (Mar 29, 1790 – Jan 18, 1862) một nhiệm kỳ (1841 – 1845). Người mà ông thừa kế là Tổng Thống thứ 9 William Harrison mới nhậm chức mấy ngày thì lâm trọng bệnh. Trong buổi lễ tuyên thệ nhậm chức, Tổng Thống William đã đọc một diễn văn quá dài dưới bầu trời quá lạnh lại từ chối không mặc áo Coat nên sau đó bị cảm lạnh và sức khỏe ngày càng sa sút. Ông không có may mắn phục vụ đất nước và qua đời một tháng sau. Ông có người cháu nội là Tổng Thống thứ 23, Benjamin Harrison .

John Tyler trở thành Tổng Thống thứ 10 hầu như trọn một nhiệm kỳ và không tái tranh cử. Khi cuộc Nội chiến bùng nổ ông lại đứng vào phe miền Nam để chống lại Chính Phủ Liên bang cho nên khi ông qua đời vào năm 1862 dân chúng đã lãnh đạm, thờ ơ. Ông được an táng tại Hollywood Cemetery, Richmond, Virginia gần phần mộ của Tổng Thống thứ 5 James Monroe. Khi chết quan tài của ông được phủ lá cờ miền Nam và tên của ông cũng được đặt cho một vài địa danh nổi tiếng gồm cả “City of Tyler” ở Texas để vinh danh ông có công trong việc sáp nhập Texas vào lãnh thổ Hoa Kỳ. Ông cũng là vị Tổng Thống có nhiều con nhất (15 người).

2) Tổng Thống thứ 13, Millard Fillmore (Jan 7, 1800 – Mar 8 , 1874) một nhiệm kỳ (1850 – 1853) nguyên là Phó

cho Tổng Thống Zachary Taylor (Ông này là cấp chỉ huy và cũng là cha vợ của Tổng Thống miền Nam Jefferson Davis và cái chết của ông là một nghi vấn). Sau một buổi tiệc nhân ngày Fourth of July Tổng Thống bị bệnh và qua đời vào ngày July 9. Fillmore kế nhiệm Tổng Thống vào ngày July 10. Ông quyết định ra tranh cử lần nữa nhưng đã thua Franklin Pierce.



3) Tổng Thống thứ 17, Andrew Johnson (Dec 29, 1818 – July 31, 1875) một nhiệm kỳ (1865 – 1869) nguyên là Phó của Tổng Thống Lincoln. Trong nhiệm kỳ 2 vừa được 2 tháng thì Tổng Thống Lincoln bị ám sát chết hôm April 9, 1865. Ông Andrew Johnson không ra tranh cử lần sau và ông là vị Tổng Thống đầu tiên bị Impeach và đã may mắn thắng được 1 phiếu. Ông bị cho là vi phạm Luật The Tenure of Office Act khi thay thế Bộ Trưởng Bộ Chiến Tranh Edwin Stanton bằng Tướng Lorenzo Thomas mà không có sự bằng lòng của Quốc Hội.

4) Tổng Thống thứ 21, Chester A. Arthur (Oct 5, 1829 – Nov 18, 1886) một nhiệm kỳ (1881 – 1885) nguyên là Phó của Tổng Thống James Garfield; ông này vừa mới nhậm chức được 4 tháng thì vào ngày July 2, 1881 bị tên Charles J. Guiteau ám sát tại Passenger Terminal, Baltimore and Potomac Railroad ở Washington DC. Năm 1884 Arthur tái tranh cử và thua ứng cử viên Grover Cleveland. Ông Cleveland trở thành Tổng Thống thứ 22 vào năm 1885 và sau này trở thành Tổng Thống thứ 24. Đó là lý do tại sao Tổng Thống Obama là vị Tổng Thống thứ 44 nhưng chỉ có 43 người.

5) Tổng Thống thứ 26, Theodore Roosevelt (Oct 27, 1858 – Jan 6, 1919) hai nhiệm kỳ (1901–1909) Theodore

thay thế Garret A. Hobart làm Phó cho Tổng Thống William McKinley từ tháng 11/1899 vì Hobart chết đột ngột. Sau lễ nhậm chức nhiệm kỳ 2 vào ngày March 4, 1901; Tổng Thống McKinley làm một chuyến du hành kéo dài 6 tuần khắp các nẻo đường đất nước phần lớn dùng đường hỏa xa trong đó có chương trình ghé thăm Pan – American Exposition ở Buffalo, New York. Ngày September 5 Tổng Thống bị tên Leon Czolgosz ám sát bị thương nặng và qua đời vào ngày September 14. Phó Tổng Thống Theodore Roosevelt lên thay và vào năm 1904 ông lại tái đắc cử.

6) Tổng Thống thứ 30, John Calvin Coolidge (July 4, 1882 – Jan 5, 1933), hai nhiệm kỳ (1923 – 1929) nguyên là Phó của Tổng Thống Warren G. Harding. Trong chuyến thăm Alaska và California thì Tổng Thống đột tử tại Khách sạn nơi ông và phái đoàn đang cư ngụ. Cái chết của ông cũng là một nghi vấn. Phó Tổng Thống được thông báo về cái chết của Tổng Thống Harding khi ông về thăm quê nhà ở Vermon. Được tin vào lúc khuya; ông ăn mặc chỉnh tề, cầu nguyện và bước xuống lầu, tại đây đã có nhiều phóng viên túc trực. Vì nhà không có điện và điện thoại; ông đã làm lễ tuyên thệ nhậm chức dưới ánh đèn dầu lung linh và chấp nhận lời tuyên thệ lúc 2:47 rạng sáng ngày August 3, 1923 bởi cha ông là một nhân viên Notary public. Sáng ngày hôm sau ông trở lại Washington DC để tuyên thệ lần thứ 2 dưới sự chứng kiến của Thẩm Phán Adolph A. Hoehling Jr thuộc Tối Cao Pháp Viện District of Columbia để làm vừa lòng những ai có những câu hỏi thắc mắc liệu một Notary Public có đủ thẩm quyền để làm lễ tuyên thệ cho một tân Tổng Thống hay không? Ông cũng là vị Tổng Thống tại chức viếng thăm Cuba vào tháng 1/1928.

7) Tổng Thống thứ 33, Harry S. Truman (May 8, 1884 – Dec 26, 1972), hai nhiệm kỳ (1945 – 1953) nguyên là Phó của Tổng Thống Franklin Roosevelt từ năm 1945. Trước đó Tổng Thống Roosevelt đã có hai người Phó: John Nance Garner IV từ 1933 – 1941 và Henry Agard Wallace

từ 1941 – 1945). Sau khi rời Hội Nghị Yalta trở về, sức khoẻ của Tổng Thống Roosevelt suy sụp và ngày March 29, 1945 ông về Georgia tịnh dưỡng tại Little White House ở Warm Springs và qua đời vào ngày April 12, 1945. Nhiệm kỳ của Tổng Thống Truman có nhiều biến cố trọng đại xảy ra đối với nhân loại: Chiến tranh Âu Châu kết thúc vào tháng 5/1945 và Chiến tranh Thái Bình Dương kết thúc vào tháng 8/1945. Sau khi Hoa Kỳ thả 2 trái bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, Nhật phải đầu hàng. Ông cũng có công góp phần tạo nên Liên Hiệp quốc 1945, đưa ra học thuyết Truman (Truman Doctrine) và kế hoạch Marshall (Marshall Plan) vào năm 1947. Thiết lập cầu không vận Bá Linh (Berlin Airlift) vào năm 1948, thành lập khối Phòng thủ Bắc Đại Tây Dương (NATO) năm 1949 để ngăn ngừa Cộng Sản. Chận đứng Trung Cộng xâm lăng Trung Hoa Quốc Gia và cho quân tham dự chiến tranh để bảo vệ Nam Triều Tiên. Năm 1948 ông tái đắc cử và Chiến tranh lạnh giữa hai Siêu Cường bắt đầu với việc Liên Xô sở hữu vũ khí nguyên tử vào tháng 9/1949 và Hoa Kỳ chế được bom khinh khí vào năm 1953. Truman là một trong những vị Tổng Thống xuất sắc của Hoa Kỳ.

8) Tổng Thống thứ 36, Lyndon B. Johnson (Aug 27, 1908 – Jan 22, 1973) hai nhiệm kỳ (1963 – 1969) nguyên là Phó của Tổng Thống John Kennedy. Ngày November 22, 1963 Tổng Thống Kenney bị ám sát và từ trần mấy giờ sau. Trên chiếc Air Force One có Đệ Nhất Phu Nhân Jacqueline chứng kiến, Johnson đã tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống thứ 36. Tháng 11, 1964 ông tái tranh cử và đánh bại Thượng Nghị Sĩ Arizona Barry Goldwater để thành Tổng Thống một nhiệm kỳ nữa. Thời gian tại chức của ông, chiến tranh Việt Nam đã leo thang dữ dội. Sự việc tàu Maddox ở vịnh Bắc Việt là một nguyên cớ để mở rộng chiến tranh. Có lúc quân Mỹ tham chiến tại Việt Nam hơn nửa triệu.

9) Tổng Thống thứ 38, Gerald R. Ford Jr (July 14, 1913 – Dec 26, 2006) một nhiệm kỳ (August 9, 1974 – Jan 20,

1977) nguyên là Phó của Tổng Thống Richard Nixon. Khi vụ tai tiếng Watergate xảy ra, Tổng Thống Nixon chọn phương thức từ chức để ông Phó lên thay hơn là bị Quốc Hội bãi nhiệm. Có thể nói Ford là một vị Tổng Thống đặc biệt vì khi là Phó, ông cũng không do dân bầu lên. Ngày August 8, 1974 Tổng Thống Nixon từ chức và sau đó Ford đã tuyên thệ nhậm chức.



Tại East Room của Bạch Ốc, trong diễn văn nhậm chức có đoạn: “I am acutely aware that you have not elected me as your President by your ballots, and so I ask you to confirm me as your President with your prayers”. Một tháng sau, vào ngày September 8, 1974 Tổng Thống Ford ký Sắc lệnh đặc xá cho cựu Tổng Thống Nixon. Việc tha thứ này đã trở thành một vấn đề tranh cãi, chỉ trích. Các Chính trị gia cho rằng đây là một “Corrupt Bargain” lần thứ ba (Hai lần trước là 1824 election và 1876 election) đã có sự thỏa thuận giữa hai người và đây cũng là lý do chính khi ra tranh cử vào năm 1976, Ford đã thua một ứng cử viên thuộc “Deep South State” là cựu Thống Đốc Georgia Jimmy Carter. Thời gian Gerald R. Ford Jr làm Tổng Thống có hai việc đáng ghi nhớ: Kỷ niệm 200 năm ngày Ban hành Tuyên Ngôn Độc lập (1776-1976) và Mỹ bỏ rơi Chính phủ và Quân đội VNCH.

Tóm lại chúng ta có 5 vị Tổng Thống: John Tyler (10), Millard Fillmore (13), Andrew Johnson (17), Chester A. Arthur (21) và Gerald Ford (38) không do dân bầu lên mà người Mỹ gọi là “THE PRESIDENTS BY ACCIDENT”.

BDQ Nguyễn chánh Dật sưu tầm.
(October 16 , 2016).



Biệt Động Quân
Vì Dân Quyết Chiến